

V/v củng cố và giữ vững 05 tiêu chí thành phần thuộc tiêu chí 17 về môi trường và an toàn thực phẩm trong bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới giai đoạn 2016–2020 trên địa bàn thị xã.

Kính gửi: Ủy ban nhân dân các xã.

Thực hiện Quyết định số 1980/QĐ-TTg ngày 17/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới giai đoạn 2016-2020 và Quyết định số 250/QĐ-UBND ngày 23/3/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh v/v ban hành Bộ tiêu chí về xã nông thôn mới giai đoạn 2017-2020 thực hiện trên địa bàn tỉnh Gia Lai,

Trong thời gian quan trên địa bàn các xã đã được các cấp có thẩm quyền thẩm định và công nhận các xã đạt xã nông thôn mới. Để duy trì và giữ vững các tiêu chí về xã nông thôn mới nói chung và 05 tiêu chí thành phần thuộc tiêu chí 17 về môi trường và an toàn thực phẩm nói riêng, phòng Tài nguyên và Môi trường thị xã đề nghị UBND các xã rà soát và tăng cường, củng cố công tác thực hiện các tiêu chí 17.2, 17.3, 17.5, 17.6, 17.7 thuộc tiêu chí số 17 về môi trường và an toàn thực phẩm như sau:

1. Chỉ tiêu 17.2. Tỷ lệ cơ sở sản xuất – kinh doanh, nuôi trồng thủy sản, làng nghề đảm bảo quy định về bảo vệ môi trường

Các cơ sở có hoạt động sản xuất - kinh doanh, nuôi trồng thủy sản, chăn nuôi trên địa bàn nông thôn thực hiện đầy đủ các quy định về bảo vệ môi trường, bao gồm các nội dung sau:

a. Có đầy đủ hồ sơ, thủ tục về môi trường:

- Báo cáo đánh giá tác động môi trường hoặc Đề án bảo vệ môi trường chi tiết hoặc Đề án bảo vệ môi trường đơn giản hoặc Kế hoạch bảo vệ môi trường hoặc Báo cáo về các biện pháp bảo vệ môi trường đối với các cơ sở thuộc Danh mục quy định tại Phụ lục I Nghị định số 19/2015/NĐ-CP ngày 14/2/2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ Môi trường;

- Sổ đăng ký chủ nguồn thải chất thải nguy hại, Giấy xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường, Giấy phép khai thác nước ngầm, nước mặt, Giấy phép xả thải vào nguồn nước theo quy định (nếu có);

- Phương án bảo vệ môi trường đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh theo quy định tại Chương V Thông tư số 31/2016/TT-BTNMT ngày 14/10/2016 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về bảo vệ môi trường cụm công nghiệp, khu kinh doanh, dịch vụ tập trung, làng nghề và cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ;

b. Thực hiện các nội dung về bảo vệ môi trường đã cam kết trong các hồ sơ nêu tại mục a về phân loại, xử lý chất thải (nước thải, khí thải và chất thải rắn); nộp phí bảo vệ môi trường đối với nước thải công nghiệp; ...

c. Ngoài các nội dung trên, yêu cầu đối với cơ sở nuôi trồng thủy sản không được sử dụng thuốc thú y thủy sản, hóa chất đã hết hạn sử dụng hoặc ngoài danh mục cho phép trong nuôi trồng thủy sản theo quy định tại Thông tư số 10/2016/TT-BNNPTNT ngày 01/6/2016 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành danh mục thuốc thú y được cấp phép lưu hành, cấm sử dụng ở Việt Nam, công bố mã HS đối với thuốc thú y nhập khẩu được phép lưu hành tại Việt Nam;

d. Đối với các cơ sở sản xuất kinh doanh, nuôi trồng thủy sản không thuộc đối tượng phải lập hồ sơ môi trường tại mục a, phải ký cam kết bảo vệ môi trường với UBND xã.

e. Tỷ lệ cơ sở sản xuất kinh doanh, nuôi trồng thủy sản, làng nghề đảm bảo quy định: 100%

2. Chỉ tiêu 17.3. Xây dựng cảnh quan, môi trường xanh - sạch - đẹp, an toàn.

Căn cứ đề án xây dựng nông thôn mới, hồ sơ quy hoạch và kế hoạch sử dụng đất đã được phê duyệt, các xã lập phương án, kế hoạch cụ thể hàng năm tổ chức thực hiện việc xây dựng cảnh quan, môi trường xanh - sạch - đẹp, an toàn phù hợp với đặc điểm kinh tế, sinh thái, văn hóa của địa phương mình, bao gồm:

a. Đối với hệ thống cây xanh

- Đầu tư, hoàn thiện hệ thống cây xanh (gồm cả cây bóng mát, cây cảnh, hoa và thảm cỏ...) đảm bảo phù hợp với quy hoạch lộ giới giao thông, quy hoạch xây dựng và văn hóa dân tộc. Ưu tiên trồng cây xanh ở các địa điểm công cộng như: trụ sở xã, nhà trẻ, trường học, trạm y tế xã, trung tâm văn hóa thể thao, các chợ, cửa hàng dịch vụ.

- Việc trồng cây không để ảnh hưởng đến an toàn giao thông, không làm hư hại đến các công trình của nhân dân và các công trình công cộng (không trồng cây dễ đổ, gãy); không gây ảnh hưởng đến vệ sinh môi trường (không tiết ra chất độc hại ảnh hưởng đến sức khỏe con người); không trồng các loại cây thuộc danh mục loài ngoại lai xâm hại theo quy định.

b. Đối với hệ thống ao, hồ sinh thái

Hệ thống ao hồ sinh thái trong khu dân cư đảm bảo yêu cầu sau:

- Phù hợp với quy hoạch được phê duyệt;
- Tạo mặt bằng thoáng, điều tiết khí hậu, tạo cảnh quan đẹp;
- Có khả năng phát triển nuôi trồng thủy sản, tạo nguồn lợi kinh tế;
- Nạo vét, tu bổ ao, hồ thường xuyên nhằm tạo không gian, cảnh quan sinh thái và điều hòa môi trường; có hàng rào chắn, biển cảnh báo tại các khu vực có nguy cơ mất an toàn với người dân.

c. Đối với đường làng ngõ xóm

- Các tuyến đường đã được bê tông hóa hoặc cứng hóa, đảm bảo không lầy lội khi có mưa.

- Xây dựng hương ước bảo vệ môi trường của thôn, quy định giữ gìn vệ sinh môi trường nơi công cộng của thôn và tại hộ gia đình. Tổ chức thu dọn vệ sinh, rác thải định kỳ (*cụ thể bằng văn bản*).

- Trên 70% số hộ đã thực hiện cải tạo vườn; chỉnh trang hàng rào cổng ngõ. Đối với hàng rào bằng cây phải được cắt tỉa gọn gàng, không gây cản trở giao thông và phù hợp với quy hoạch lộ giới.

d. Đối với khu vực công cộng

- Các khu vực công cộng (chợ, đường giao thông...) không có hiện tượng xả nước thải, chất thải rắn không đúng quy định, gây mất mỹ quan và ô nhiễm môi trường.

- Các địa phương tăng cường cải tạo ao hồ, khu vực công cộng ... thành các khu vui chơi giải trí, khu vực tập thể dục, khu sinh hoạt cộng đồng, khu vực học bơi cho trẻ em.

e. Đánh giá chỉ tiêu Xây dựng cảnh quan môi trường xanh – sạch – đẹp, an toàn: Đạt

3. Chỉ tiêu 17.5. Chất thải rắn trên địa bàn và nước thải khu dân cư tập trung, cơ sở sản xuất – kinh doanh được thu gom, xử lý theo quy định.

a. Về chất thải rắn

- Đối với bao bì thuốc BVTV sau sử dụng:

+ Xây dựng phương án thu gom, vận chuyển, xử lý bao gói thuốc BVTV sau sử dụng, yêu cầu nêu rõ: vị trí, số lượng, kích thước bể, khu vực lưu chứa... (*bằng văn bản cụ thể*);

+ Tổ chức thu gom, vận chuyển, xử lý theo đúng quy định tại Thông tư liên tịch số 05/2016/TTLT-BNNPTNT-BTNMT ngày 16/5/2016 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn và Bộ Tài nguyên và Môi trường về hướng dẫn việc thu gom, vận chuyển và xử lý bao gói thuốc BVTV sau sử dụng;

+ Bao gói thuốc BVTV sau sử dụng sau khi được thu gom về bể chứa hoặc khu vực lưu chứa, phải được vận chuyển đến nơi xử lý theo đúng quy định tại Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT ngày 30/6/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về quản lý chất thải nguy hại;

+ Không để xảy ra tình trạng phân bón, thuốc bảo vệ thực vật, thuốc thú y, sản phẩm xử lý môi trường nông nghiệp hết hạn hoặc các vỏ bao bì, dụng cụ đựng các sản phẩm này sau khi sử dụng bị vứt, đổ bừa bãi ra môi trường, đặc biệt là tại các khu vực trồng trọt, các nguồn nước kênh mương, ao hồ, sông suối...;

- Đối với phụ phẩm nông nghiệp: các hộ gia đình, đơn vị trồng trọt nông lâm nghiệp phải thu gom, tái sử dụng phụ phẩm nông nghiệp làm phân bón, chất đốt, thức ăn gia súc, sản xuất nấm... hoặc ký hợp đồng với tổ chức dịch vụ thu gom, xử lý theo quy định;

- Đối với chất thải rắn y tế: tổ chức thu gom, vận chuyển, xử lý theo đúng quy định tại Thông tư liên tịch số 58/2015/TTLT-BYT-BTNMT ngày 31/12/2015.

- Đối với chất thải rắn sinh hoạt phải có:

+ Xây dựng phương án phù hợp để thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt đến khu xử lý chất thải rắn của địa phương, trong đó nêu rõ: Đơn vị phụ trách thu

gom, vận chuyển; Chung loại, số lượng phương tiện vận chuyển; Cách thức phân loại (nếu có); Tần suất, lịch trình thu gom đối với từng hộ gia đình, cụm dân cư; Vị trí các điểm trung chuyển (nếu có); Điểm tập kết chất thải rắn trong khu dân cư (nếu có) phải đảm bảo hợp vệ sinh (*phương án cụ thể bằng văn bản*);

+ Đối với những nơi chưa có điểm thu gom, xử lý chất thải rắn sinh hoạt thì mỗi hộ gia đình phải tự đào hố chôn lấp, xử lý rác thải tại hộ gia đình; không được đổ thải ra đường, ao hồ, sông suối, kênh rạch (*nêu rõ trong phương án*).

b. Về nước thải

- Mỗi khu dân cư tập trung của thôn, xã phải có hệ thống tiêu thoát nước mưa, nước thải sinh hoạt bảo đảm nhu cầu tiêu thoát nước của khu vực, không có hiện tượng tắc nghẽn, tù đọng nước thải và ngập úng;

- Đối với khu vực không thể xây dựng hệ thống tiêu thoát nước mưa, nước thải sinh hoạt (không bao gồm nước thải từ nhà vệ sinh), hộ gia đình phải có hố ga lắng cặn trước khi thải ra môi trường đảm bảo nước thải không chảy tràn, đổ thải bừa bãi ra đường làng, ngõ xóm, không tạo thành các vũng, ao tù nước đọng.

c. Đánh giá chỉ tiêu Chất thải rắn trên địa bàn và nước thải khu dân cư tập trung được thu gom, xử lý theo quy định: Đạt

4. Chỉ tiêu 17.6. Tỷ lệ hộ có nhà tiêu, nhà tắm, bể chứa nước sinh hoạt hợp vệ sinh và đảm bảo 3 sạch

a. Nhà tiêu hợp vệ sinh phải đảm bảo các điều kiện sau:

+ Được xây dựng khép kín có mái che hoặc cách biệt nhà ở và đảm bảo khoảng cách an toàn với nguồn nước;

+ Chất thải nhà vệ sinh không thải trực tiếp ra môi trường;

+ Có biện pháp cô lập phân người, không sử dụng trực tiếp bón cho cây trồng;

+ Không tạo môi trường cho ruồi, muỗi và các côn trùng khác sinh nở;

+ Không gây mùi hôi, khó chịu.

b. Nhà tắm hợp vệ sinh đảm bảo các điều kiện sau:

+ Nhà tắm có tường xây hoặc vật liệu bao che kín xung quanh phù hợp;

+ Có hệ thống thu gom nước không để chảy tràn ra môi trường;

c. Bể chứa nước sinh hoạt hợp vệ sinh đảm bảo các điều kiện sau:

+ Bể chứa phải có dung tích đủ lớn để đáp ứng nhu cầu sử dụng;

+ Sử dụng vật liệu làm bể chứa/dụng cụ chứa không có thành phần độc hại làm ảnh hưởng đến sức khỏe của người sử dụng và phù hợp với đặc điểm của từng vùng miền; khuyến khích các phương án sau:

Bể chứa nước được xây dựng bằng gạch hoặc bê tông;

Lu sành, chum, vại;

Dụng cụ trữ nước sinh hoạt bằng inox, nhựa.

- Bể, dụng cụ trữ nước sinh hoạt phải có nắp đậy kín để ngăn ngừa các chất bẩn khác xâm nhập hoặc muỗi vào để trứng; đối với lu, bể lớn cần có van lấy nước, van

xả cặn và van xả tràn phù hợp.

- Vệ sinh bể, lu, chum, vại trước khi chứa nước và định kỳ 3 tháng 1 lần; nếu dụng cụ chứa nước bị nhiễm bẩn, cần thau rửa ngay sau khi nước rút bằng Cloramin B, hoặc clorua vôi.

- Đảm bảo 3 sạch: sạch nhà, sạch bếp, sạch ngõ theo nội dung cuộc vận động Xây dựng gia đình 5 không, 3 sạch” do Trung ương Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam phát động.

d. Tỷ lệ hộ có nhà tiêu, nhà tắm, bể chứa nước sinh hoạt hợp vệ sinh và đảm bảo 3 sạch: $\geq 70\%$ (tính riêng cho từng công trình)

5. Chỉ tiêu 17.7. Tỷ lệ hộ chăn nuôi có chuồng trại chăn nuôi đảm bảo vệ sinh môi trường

a. Hồ sơ, thủ tục môi trường

+ Đối với cơ sở chăn nuôi có quy mô chuồng trại từ 50m² trở lên phải thực hiện đầy đủ các nội dung quy định tại mục 1 (*Chỉ tiêu 17.2. Tỷ lệ cơ sở sản xuất – kinh doanh, nuôi trồng thủy sản, làng nghề đảm bảo quy định về bảo vệ môi trường*).

+ Đối với hộ chăn nuôi gia súc, gia cầm với quy mô chuồng trại nhỏ hơn 50 m² phải tiến hành khai báo với chính quyền địa phương (cấp xã) và được xác nhận cam kết trong hoạt động chăn nuôi

b. Chuồng trại chăn nuôi phải đảm bảo các điều kiện vệ sinh môi trường như sau:

- + Nằm cách biệt với nhà ở, nguồn nước,
- + Được vệ sinh định kỳ bảo đảm phòng ngừa, ứng phó dịch bệnh;
- + Không phát sinh mùi khó chịu gây ảnh hưởng đến dân cư xung quanh.
- + Chất thải chăn nuôi phải được thu gom và xử lý; không xả, chảy tràn ra khu vực xung quanh.

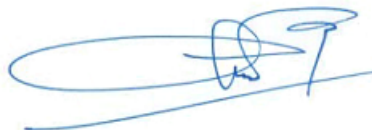
c. Tỷ lệ hộ chăn nuôi có chuồng trại chăn nuôi đảm bảo vệ sinh môi trường: $\geq 60\%$

Phòng Tài nguyên và Môi trường thị xã kính đề nghị UBND các xã triển khai thực hiện, đặc biệt duy trì công tác tổ chức thu dọn vệ sinh, rác thải định kỳ mà UBND các xã đã xây dựng kế hoạch./.

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- BCĐ NTM thị xã;
- Đ/c Trưởng phòng (b/c);
- Lưu: VT.

**KT. TRƯỞNG PHÒNG
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG**



Châu Văn Tuấn